TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH KHÊ – TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14-03-2022
Về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ-TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ánh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Lâm
Bà Lê Thị Tuyết Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 356/2021/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 11 năm 2021 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 356/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2022, Quyết định hoãn phiên toà số 09/ QĐST-HNGĐ ngày 23/02/2022 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1982 (Có mặt);

2.*Bị đơn:* Ông Lê Ngọc L, sinh năm: 1978 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: K215/7 đường Cù Chính L, phường A, quận T, thành phố Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

******* *Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2021, bản tự khai đề ngày 20/12/2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Ngọc L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/8/2004 tại UBND phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng sống chung hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông L có

quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên dẫn đến những căng thẳng trong đời sống vợ chồng, quan hệ hôn nhân ngày càng lạnh nhạt, từ đó tạo nên những cuộc cãi vã, xúc phạm và gây áp lực về tinh thần cho các con chung. Mặc dù, bà T và hai bên gia đình cũng đã khuyên ngăn, giải thích và mong muốn ông L có trách nhiệm với gia đình nhưng vẫn không có kết quả.

Nay bà T xác định không thể tiếp tục chung sống cùng ông L, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho Bà được ly hôn với ông Lê Ngọc L.

- *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị T xác định vợ chồng có 02 con chung là: Lê Kim D1, sinh ngày 28/7/2005 và Lê Kim D2, sinh ngày 29/01/2009. Ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

- *Về tài sản chung:* Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà Nguyễn Thị T xác định không có.

* Bị đơn là ông Lê Ngọc L mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không có ý kiến, văn bản phản hồi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến tại phiên toà về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn ông Lê Ngọc L về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con "*.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Lê Ngọc L.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho Lê Kim D1, sinh ngày 28/7/2005 và Lê Kim D2, sinh ngày 29/01/2009 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cả hai con đủ 18 tuổi. Bà T không yêu cầu ông Lê Ngọc L cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị T xác định không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Lê Ngọc L có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ K215/7 đường Cù Chính L, tổ 71, phường A, quận T, thành phố Đ nên theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và nuôi con, như vậy quan hệ trong vụ án này là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

[3] Về tố tụng: Bị đơn ông Lê Ngọc L mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là ông Lê Ngọc L.

[4] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tại phiên toà, bà Nguyễn Thị T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, bà không thể tiếp tục chung sống với ông L nên hiện nay đã sống ly thân. Do vậy, yêu cầu Toà án giải quyết cho Bà được ly hôn với ông Lê Ngọc L.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tại phiên tòa thể hiện: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Lê Ngọc L là hợp pháp. Theo bà T trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông L ngoại tình và không có trách nhiệm với gia đình. Vào năm 2020, bà T đã nộp đơn xin ly hôn đến Toà án nhưng vì thương các con và mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên đã rút đơn khởi kiện và được Toà án nhân dân quận Thanh Khê ra Quyết định đình chỉ số 110 ngày 16 tháng 9 năm 2020.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông L đến tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông đều vắng mặt không có lý do, điều đó chứng tỏ ông L bỏ mặt, không muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với bà T nên Hội đồng xét xử có căn cứ định xác định mâu thuẫn vợ chồng như bà T trình bày là có thực.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của bà T và ông L đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nguyện vọng xin được ly hôn của bà Nguyễn Thị T là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

-*Về con chung:* Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Ngọc L có 02 con chung cho Lê Kim D1, sinh ngày 28/7/2005 và Lê Kim D2, sinh ngày 29/01/2009. Ly hôn, bà T có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Hội đồng xét xử thấy: Cha, mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con sau ly hôn. Song việc giao con cho ai nuôi cần xem xét mọi mặt để không ảnh hưởng đến sự phát triển về tinh thần, thể chất cũng như quyền lợi của con. Hiện nay, bà T là nhân viên của Bệnh viện Đà Nẵng, có công việc và thu nhập ổn định, bà mong muốn được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho cả hai con chung để đảm bảo cho các con có điều kiện sống tốt và không bị áp lực về tâm sinh lý.

Đồng thời, cả 02 cháu Lê Kim D1 và Lê Kim D2 đều có bản tự khai thể hiện nguyện vọng xin được ở với mẹ vì ông L có quan hệ ngoại tình và thỉnh thoảng có đánh các cháu, nên việc giao 02 con chung cho bà T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, cũng như nguyện vọng của cháu D1 và cháu D2 là được ở với mẹ. Bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

- *Về nợ chung:* Bà Nguyễn Thị T xác định không có nên không đề cập.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; 266; 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 56; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn ông Lê Ngọc L.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Lê Ngọc L.

2. Về con chung: Giao 02 con chung Lê Kim D1, sinh ngày 28/7/2005 và Lê Kim D2, sinh ngày 29/01/2009 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cả hai con đủ 18 tuổi, ông Lê Ngọc L không cấp dưỡng nuôi hai con.

Các bên vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Nguyễn Thị T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà đã nộp theo biên lai thu số 0002348 ngày 11 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết trích sao bản án.

Nơi nhận:
- Các bên đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- UBND phường Tân Chính, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.
(*Giấy CNKH số 76, quyển số 01/04 ngày 05/8/2004);*
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Kim Ánh